

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ G  
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **83/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 22 tháng 8 năm 2022.

V/v *Xin ly hôn*.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G – TỈNH B**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*\* Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa :* Ông **Trần Duy Khánh**.

*\* Hội thẩm nhân dân:*

1/. Ông **Nguyễn Thành Nh**

2/. Bà **Cao Thị Mỹ Ph**

*\* Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thị Đèo** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh B.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh B tham gia phiên tòa:* Bà **Phan Thị Thanh Th** – Kiểm sát viên

Vào ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh B tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm công vụ án thụ lý số: 318/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 về tranh chấp “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

*\* Nguyên đơn:* Ông **Phan Văn Ph**, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Khóm 1, Phường 1, thị xã G, tỉnh B. (vắng mặt)

*\* Bị đơn:* Bà **Đặng Thùy D**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Khóm 2, phường H, thị xã G, tỉnh B. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, ông Phan Văn Ph, là nguyên đơn trình bày: Ông Ph và bà Đặng Thùy D tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 1997, nhưng cho đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi vã, làm cho cuộc sống chung không hạnh phúc, từ năm 2015 đến nay ông bà đã không còn chung sống. Do mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên ông Ph xin ly hôn với bà

Đặng Thùy D. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên ông Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, ông Ph không yêu cầu gì thêm.

\* Tại biên bản lấy lời khai, bà Đặng Thùy D, là bị đơn trình bày: Năm 1997, bà D và ông Ph có tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống bà D và ông Ph có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Nay ông Ph xin ly hôn thì bà D cũng đồng ý ly hôn. Bà D cũng đồng ý với ý kiến của ông Ph về vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung.

\* *Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh B phát biểu quan điểm:*

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ theo thủ tục tố tụng và các văn bản có liên quan nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát xét thấy bảo đảm đủ điều kiện và hợp pháp. Nguyên đơn là ông Ph và bị đơn là bà D đều có đơn xin xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Ph và bà D.

- Về nội D vụ án:

+ Về hôn nhân: Ông Ph và bà D chung sống như vợ chồng từ năm 1997 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn nên đề nghị không công nhận ông Ph và bà D là vợ chồng.

+ Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt ra xem xét.

+ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Phan Văn Ph là nguyên đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nội D vụ kiện như sau:

\* Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Phan Văn Ph khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Đặng Thùy D nên đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn bà Đặng Thùy D có địa chỉ cư trú tại Khóm 2, phường Hộ phòng, thị xã G, tỉnh B nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã G theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

\* Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, nguyên đơn là ông Phan Văn Ph và bị đơn là bà Đặng Thùy D đều có đơn xin xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Ph và bà D theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

\* Về mặt nội D:

[1] Xét quan hệ hôn nhân giữa ông Phan Văn Ph và bà Đặng Thùy D: Ông Ph và bà D tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 là có xảy ra trên thực tế, được hai bên thừa nhận. Tuy nhiên, ông bà đã không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn nên ông Ph xin ly hôn thì bà D cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng việc không đăng ký kết hôn giữa ông

Ph và bà D là không tuân thủ quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình. Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*” và tại khoản 2 Điều 53 quy định: “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật này...*”. Vì vậy, Hội đồng xét xử không công nhận ông Phan Văn Ph và bà Đặng Thùy D là vợ chồng.

[2] Về con chung: Ông Ph và bà D thống nhất xác định không có con chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung: Ông Ph và bà D thống nhất xác định không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung: Ông Ph và bà D thống nhất xác định không có nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Phan Văn Ph là nguyên đơn xin ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng.

Như đã phân tích ở trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 14; khoản 1 Điều 16, khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

- 1/. Không công nhận ông Phan Văn Ph và bà Đặng Thùy D là vợ chồng.
- 2/. Về con chung: Ông Ph và bà D thống nhất xác định không có con chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
- 3/. Về tài sản chung: Ông Ph và bà D thống nhất xác định không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
- 4/. Về nợ chung: Ông Ph và bà D thống nhất xác định không có nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
- 5/. Về án phí: Ông Phan Văn Ph phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Ph đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004227 ngày 01/8/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã G được chuyển thu án phí.

Án xử công khai, ông Ph và bà D vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh B;
- VKSND TX. G;
- CCTHA TX. G;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**Trần Duy Khánh**